

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 20-7-2017.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 1106, Tổ 3, ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh Q, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 1350A, ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Chị và anh Võ Thanh Q cưới nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ

chồng sống cùng cha mẹ chồng và cất nhà trên đất của cha mẹ chồng ở riêng cho đến năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q không quan tâm đến vợ, thường xuyên uống rượu về gây gổ và đánh chị, chị khuyên nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Từ năm 2014, chị đi thuê nhà trọ ở và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nguyên vọng chị O yêu cầu ly hôn đối với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Võ Thị Ngọc C sinh ngày 07/9/2003. Hiện con chung đang sống với chị O. Chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Thanh Q trình bày:

Nhận thấy như lời trình bày của chị O về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau.

Nguyên vọng anh Q yêu cầu được đoàn tụ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O đối với anh Q. Về con chung: Giao cháu C cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị O không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Q vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị O và anh Q chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh trong quá trình chung sống anh, chị có

hiều mâu thuẫn do anh Q thường xuyên uống rượu về gây gỗ và đánh chị O. Từ năm 2014 vợ chồng ly thân cho đến nay, anh Q vẫn không thay đổi. Nay chị O yêu cầu ly hôn, anh Q yêu cầu đoàn tụ nhưng từ năm 2014 đến nay, anh không đưa ra được phương pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Võ Thị Ngọc C sinh ngày 07/9/2003 hiện đang sống với chị O. Khi ly hôn chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Chị O trình bày hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng là đủ để nuôi con nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp cần ghi nhận.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Chị O là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim O được ly hôn đối với anh Võ Thanh Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc C sinh ngày 07/9/2003 cho chị Nguyễn Thị Kim O tiếp tục **trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.**

Ghi nhận chị O không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008829 ngày 17/5/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng. Chị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường